

CHỈ DẪN NGƯỜI BỊ HẠI VỀ NHỮNG QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ TRONG CÁC VỤ VIỆC VỀ VI PHẠM

- Người bị hại là người mà lợi ích hợp pháp của họ bị xâm phạm trực tiếp hoặc bị đe dọa bởi vi phạm (điều 25 § 1 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
- Trong trường hợp người bị hại chết thì các quyền của người đó có thể được thực hiện bởi những người thân gần gũi nhất (điều 25 § 2 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
- Cơ quan bảo hiểm được coi là người bị hại ở phạm vi mà trường đó đã giải quyết bồi thường những thiệt hại gây ra cho người bị hại bởi vi phạm hoặc cam kết là sẽ bồi thường những thiệt hại đó (điều 25 § 3 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 49 § 3 của luật tố tụng hình sự).
- Khi bị hại không là cá nhân thì thay cho bị hại cơ quan có thẩm quyền hoạt động nhân danh họ sẽ thực hiện các hoạt động tố tụng (điều 25 § 3 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 51 § 1 của luật tố tụng hình sự).
- Nếu người bị hại là người chưa thành niên hoặc người có khiếm khuyết toàn bộ hoặc một phần về tâm thần, thể chất thì quyền của người đó được thực hiện bởi người đại diện hợp pháp hoặc người chăm sóc người bị hại liên tục (điều 25 § 3 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 51 § 2 của luật xử lý hình sự).
- Nếu người bị hại là người khó có khả năng tự xử lý, đặc biệt là do tuổi tác hoặc tình trạng sức khỏe, thì quyền của người đó có thể được thực hiện bởi người chăm sóc người bị hại (điều 25 § 3 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 51 § 3 của luật tố tụng hình sự).

Các quyền và nghĩa vụ của người bị hại:

1. Người bị hại có thể hoạt động như là một bên với tư cách người buộc tội bổ sung bên cạnh công tố viên hoặc thay cho công tố viên (điều 25 § 4 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm). Trong phạm vi quyền này người bị hại có thể:
 - a) trong vòng 7 ngày kể từ ngày thông báo cho họ về việc nộp đơn đề nghị trừng phạt tới tòa án tuyên bố rằng họ sẽ hoạt động bên cạnh công tố viên với tư cách là người buộc tội bổ sung. Sau khi hết thời hạn này quyền này sẽ hết hạn (điều 26 § 3 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm),
 - b) trong những vấn đề vi phạm bị truy tố theo yêu cầu của người bị hại - tự nộp đơn yêu cầu trừng phạt với tư cách người buộc tội bổ sung (điều 27 § 1 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm),
 - c) trong những vấn đề vi phạm khác không thuộc truy tố theo yêu cầu của người bị hại, người bị hại có thể tự nộp đơn yêu cầu trừng phạt với tư cách người buộc tội bổ sung, nếu trong vòng một tháng kể từ ngày thông báo cho Công an về vi phạm người bị hại không được thông báo về việc nộp đơn đề nghị trừng phạt hoặc nhận được thông báo nói rằng các hoạt động điều tra nhằm làm sáng tỏ vụ việc đã không cung cấp căn cứ để Công an nộp đơn đề nghị trừng phạt (điều 27 § 2 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
2. Yêu cầu trừng phạt chỉ một số trong các thủ phạm gây ra vi phạm cũng có hiệu quả đối với cả những thủ phạm khác gây ra vi phạm mà không được chỉ ra trong yêu cầu, nếu những người đó không phải là người thân gần gũi nhất của người bị hại (điều 6 § 2 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
3. Trong trường hợp người bị hại nộp đơn yêu cầu trừng phạt thủ phạm gây ra vi phạm thuộc loại truy tố theo yêu cầu thì người bị hại có thể rút đơn yêu cầu. Không thể rút yêu cầu chỉ đối với một số người vi phạm, trừ khi họ là những người thân gần gũi nhất của người bị hại. Việc rút yêu cầu có thể thực hiện cho đến thời điểm bắt đầu tố tụng tại tòa ở buổi xét xử đầu tiên. Trong trường hợp rút đơn yêu cầu thì không được phép nộp lại đơn yêu cầu (điều 6 § 3 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
4. Người bị hại khi là người buộc tội bổ sung có quyền yêu cầu cho phép lập bản trích biên bản các hoạt động mà họ có tham gia hoặc cần tham gia, cũng như tài liệu do người bị hại cung cấp hoặc được tạo ra với sự tham gia của người bị hại (điều 38 § 1 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 157 § 3 của luật tố tụng hình sự). Người bị hại khi là người buộc tội bổ sung có quyền tham khảo các hồ sơ vụ án về việc vi phạm và lập các bản trích các hồ sơ đó (điều 38 § 1 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 156 § 1 của luật tố tụng hình sự).
5. Người bị hại, mà đã thông báo về hành vi vi phạm, có quyền yêu cầu cấp giấy xác nhận nộp thông báo, bao gồm: ngày tháng và nơi tiếp nhận thông báo, chỉ ra cơ quan tiếp nhận thông báo cùng với những dữ liệu dùng để liên hệ, ký hiệu vụ án, các dữ liệu xác định danh tính của người bị hại, thời điểm và địa điểm của hành vi phạm tội mà thông báo nói tới, và một mô tả ngắn gọn nhưng đầy đủ về hành vi phạm tội và thiệt hại đã xảy ra (điều 25 § 5 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 304b của luật tố tụng hình sự).
6. Người bị hại, khi tham gia các buổi lấy lời khai, có quyền đưa ra yêu cầu không ghi trong biên bản những dữ liệu về địa chỉ nhà ở của họ và địa chỉ nơi làm việc (điều 37 § 13 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
7. Người bị hại, ở giai đoạn các hoạt động điều tra làm sáng tỏ vụ việc, có quyền nộp yêu cầu cơ quan điều tra chuyển vụ việc tới cơ quan hoặc người có thẩm quyền với mục đích thực hiện thủ tục hòa giải, nếu người mà đối với họ có cơ sở hợp lý để đưa ra yêu cầu trừng phạt đồng ý. Sự tham gia của người bị hại trong thủ tục hòa giải là tự nguyện, và sự đồng ý cho thủ tục đó có thể được rút lại cho đến tận khi kết thúc thủ tục hòa giải (điều 54 § 9 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 23a của luật tố tụng hình sự).

8. Người bị hại được triệu tập với tư cách là người làm chứng có nghĩa vụ phải có mặt và trình bày lời khai (điều 41 § 1 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 177 § 1 của luật tố tụng hình sự).
9. Nếu những hoàn cảnh của hành vi phạm tội gây ra những nghi vấn, người bị hại trong quá trình thực hiện những hoạt động điều tra làm sáng tỏ vụ việc có thể nộp yêu cầu xem xét các bằng chứng (điều 54 § 4 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
10. Người bị hại khi tham gia vào các hoạt động điều tra vụ việc có thể, khi ký tên vào biên bản những hoạt động này, đồng thời đưa ra những cáo buộc đối với nội dung của nó, và những cáo buộc này phải được ghi vào biên bản (điều 37 § 11 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 150 § 2 của luật tố tụng hình sự).
11. Nếu việc xử phạt vi phạm lệ thuộc vào tình trạng sức khỏe của người bị hại, thì người đó không thể phản đối việc kiểm tra trực quan và khám nghiệm mà không kết hợp với phẫu thuật hoặc quan sát trong cơ sở y tế. Nếu có những nghi vấn về tình trạng tinh thần của người bị hại tham gia với tư cách người làm chứng, mức độ phát triển trí óc của họ, khả năng nhìn nhận và tái tạo lại nhận thức, tòa án hoặc công tố viên có thể quyết định lấy lời khai của họ với sự tham gia của bác sỹ giám định hoặc bác sỹ tâm lý, và người bị hại không thể phản đối quyết định này. Với mục đích lấy bằng chứng cũng có thể kiểm tra trực quan cơ thể và khám nghiệm y tế hoặc tâm lý người bị hại, với sự đồng ý của họ (điều 41 § 1 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 192 của luật tố tụng hình sự).
12. Người bị hại có thể sử dụng sự hỗ trợ của một người đại diện ủy quyền. Người đại diện ủy quyền có thể là luật sư hoặc cố vấn tư pháp, còn trong trường hợp khi cơ quan nhà nước, cộng đồng tự quản hoặc tổ chức xã hội là người bị hại thì cả nhân viên của cơ quan này hoặc cơ quan cấp trên của cơ quan đó (điều 30 § 1 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm). Người bị hại có thể trao ủy quyền bằng văn bản hoặc bằng cách tuyên bố vào biên bản của cơ quan xử lý vụ việc về vi phạm (điều 30 § 2 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 83 § 2 của luật tố tụng hình sự). Người bị hại cũng có thể, nếu không có người đại diện ủy quyền tự lựa chọn, nộp đơn đề nghị chỉ định người đại diện từ chính quyền. Trong đơn đề nghị người bị hại cần phải chứng minh một cách thuyết phục rằng không có đủ khả năng kinh tế để thuê người đại diện mà không làm tổn hại nghiêm trọng tới đời sống của bản thân và gia đình (điều 30 § 2 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 22 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
13. Người bị hại có quyền tham gia vào các công việc tố tụng và có mặt trong phòng xét xử, ngay cả khi chỉ khai báo với tư cách là người làm chứng (điều 81 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 384 § 2 của luật tố tụng hình sự).
14. Người bị hại khi là người buộc tội bổ sung có thể, trừ khi pháp luật có quy định khác, đưa ra các yêu cầu và các tuyên bố khác bằng văn bản và bằng miệng vào biên bản (điều 38 § 1 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm trên cơ sở của điều 116 của luật tố tụng hình sự).
15. Người bị hại khi là người buộc tội bổ sung có quyền đưa ra các yêu cầu xem xét bằng chứng (điều 39 § 1 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
16. Khi người bị hại đã không có mặt trong phiên xét xử và trong hồ sơ vụ án không có bằng chứng trao giấy triệu tập hoặc thông báo, và tòa án cho rằng nên làm và vẫn thực hiện xét xử bằng chứng, thì người bị hại trong phiên xét xử tiếp theo - khi họ đã không được thông báo đúng cách về thời điểm phiên tòa xét xử trước đó - có thể yêu cầu xét xử lại những bằng chứng này (điều 71 § 2 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
17. Trong trường hợp công tố viên đưa ra yêu cầu xử phạt người bị buộc tội mà không tiến hành xét xử thì người bị hại mà trước đó đã đưa ra tuyên bố rằng sẽ tham gia quá trình xét xử với tư cách người buộc tội bổ sung có thể, trong thời hạn quy định bởi tòa án, bày tỏ sự phản đối với yêu cầu đó. Trong trường hợp đưa ra sự phản đối, yêu cầu không thể được chấp nhận (điều 63 § 3 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
18. Người bị hại khi là người buộc tội bổ sung có thể đưa ra sự phản đối với yêu cầu của người bị buộc tội về việc xử phạt họ bằng một cách cụ thể nào đó mà không tiến hành xét xử. Trong trường hợp có sự phản đối, yêu cầu không thể được chấp nhận (điều 64 § 2 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
19. Người bị hại khi là người buộc tội bổ sung có thể rút việc buộc tội (điều 28 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
20. Người bị hại khi là người buộc tội bổ sung có quyền đưa ra các biện pháp kháng cáo khi pháp luật có quy định (điều 103 § 2 và 3 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).
21. Nếu các hoạt động điều tra làm sáng tỏ vụ việc không cung cấp cơ sở cho việc đưa ra yêu cầu trừng phạt, thì người ta sẽ thông báo cho những người bị hại được tiết lộ biết, có chỉ ra nguyên nhân không đưa ra yêu cầu trừng phạt. Người bị hại có quyền tham khảo các bằng chứng thu được trong quá trình hoạt động điều tra làm sáng tỏ vụ việc và lập các bản trích và bản sao. Theo yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện ủy quyền của họ người ta cấp có trả phí các bản sao và các bản trích có chứng thực của những tài liệu này; thanh toán cho việc cấp các bản trích và bản sao có chứng nhận được thực hiện thích hợp theo những quy định được ban hành trên cơ sở điều 156 § 6 của luật tố tụng hình sự (điều 54 § 2 của luật tố tụng trong các vấn đề về vi phạm).

Tôi đã nhận được bản chỉ dẫn

(Ngày tháng và chữ ký của người bị hại)